

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/06/2021
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thu Nga
2. Bà Trần Thị Chiêm

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thanh Thu M, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số TK 42-391/138 đường T, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trần Đăng K, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 65 H, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Trần Thanh Thu M trình bày tóm tắt như sau:

Chị M và Anh Nguyễn Trần Đăng K là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/4/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát

sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên Chị M và Anh K đã không còn chung sống từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh K.

Về con chung: Chị M và Anh K không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn Anh Nguyễn Trần Đăng K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Anh K không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Chị M. Anh K cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An nhận định quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo qui định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét mâu thuẫn giữa Chị M và Anh K là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung không có. Về tài sản chung và nợ chung, Chị M không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thanh Thu M và Anh Nguyễn Trần Đăng K cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/4/2009, nên quan hệ hôn nhân của Chị M và Anh K chỉ được pháp luật thừa nhận là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2]. Xét yêu cầu ly hôn của Chị M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc Chị M xin ly hôn với Anh K tại Tòa án nhưng Anh K không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị M xác định không còn tình cảm gì với Anh K và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình số

52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị M đối với Anh K.

[3]. Về quyền nuôi con chung: Chị M và Anh K không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ tại Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Chị Trần Thanh Thu M phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thanh Thu M xin ly hôn với Anh Nguyễn Trần Đăng K.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thanh Thu M được ly hôn với Anh Nguyễn Trần Đăng K.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thanh Thu M phải chịu 300.000đ. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí Chị M đã nộp theo biên lai thu số 0005245 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An sang thi hành án phí. Anh K không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND thành phố Tân An;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Ngọc Tuyền